

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 74/2019/KDTM - PT

Ngày: 16/7/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thái Sơn

Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thu Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2019/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 189/2019/QĐ - PT ngày 04/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 217/2019/QĐ – PT ngày 25/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: Số 25 phố B, phường C, quận D, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T- Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị E và ông Lê Văn G (theo văn bản ủy quyền số 014 ngày 02/01/2018) - có mặt ông G, vắng mặt bà E.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Công nghệ K

Địa chỉ: Phòng 202, nhà C1, khu tập thể V, phường T, quận F, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị H - Giám đốc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Bình M và bà Vũ Thị H; Cùng địa chỉ: Số 56 ngõ 203 phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hà Nội. (Ông M, bà H vắng mặt).

- Bà Vũ Thị Q, chị Nguyễn Thúy P, anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị Lan H; Cùng địa chỉ: Số 15 ngách 63/33/52 đường N, phường O, quận L, Thành phố Hà Nội. (Bà Q, chị P có mặt, anh T, chị H vắng mặt).

- Anh Trần Cao C; Địa chỉ: R5 - 0603 khu R, đường T, phường Đ, quận X, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Vũ Thị Q - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2015 và các lời khai tiếp theo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 20/4/2012, Ngân hàng thương mại Cổ phần A - Chi nhánh Hà Nội (sau đây viết tắt là nguyên đơn) và Công ty Cổ phần Công nghệ K (sau đây viết tắt là bị đơn) ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 120008, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 2.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán hợp đồng kinh tế giữa Công ty Cổ phần Công nghệ K và Công ty Cổ phần phát triển Toàn cầu T; Thời hạn vay: 05 tháng; Lãi suất vay theo giấy nhận nợ bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng + biên độ 8%, lãi suất thay đổi theo qui định của nguyên đơn trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 20%/năm.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã M, huyện L, Thành phố Hà Nội (Nay là phường B, quận M), Thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 180232 do UBND huyện E cấp ngày 27/7/2010 mang tên Bà Vũ Thị Q, đã sang tên cho Bà Vũ Thị H ngày 09/11/2011.

Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền 2.500.000.000 đồng thông qua giấy nhận nợ ngày 20/4/2012.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 25/9/2012, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/8/2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 7.565.388.806 đồng, trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 205.555.557 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.859.833.249 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ, tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để đảm bảo thi hành án. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì bị đơn vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Tại bản tự khai, người đại diện theo pháp luật của bị đơn xác nhận có ký kết hợp đồng tín dụng với nguyên đơn để vay 2.500.000.000 đồng. Do bị đơn làm ăn không hiệu quả nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không có khả năng trả nợ. Bị đơn sẵn sàng bàn giao tài sản thế chấp cho nguyên đơn để trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ông Trần Bình M và Bà Vũ Thị H đồng ý bàn giao tài sản thế chấp cho nguyên đơn.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Vũ Thị Q trình bày:** Khoảng tháng 10/2011, do có nhu cầu vay tiền nên bà đã thỏa thuận với Anh Trần Cao C về việc Công ty Cổ phần công nghệ Tinh hoa Châu Á sẽ tìm kiếm và giúp bà để vay tiền của một Ngân hàng. Trong thời gian tìm kiếm nguồn vay, bị đơn sẽ cho bà vay tiền trước. Để vay vốn, bà phải dùng tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 108232 do UBND huyện E cấp mang tên bà để bảo lãnh cho khoản vay. Ngày 27/10/2011, hai bên đã ký biên bản thỏa thuận và cam kết, bà đã nhận tiền và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình. Ngày 28/10/2011, anh C đưa bà ký một số văn bản để hoàn tất thủ tục, do tin tưởng nên bà đã ký các văn bản này. Bà cho rằng anh C đã tạo dựng giao dịch giả tạo để bà ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Vũ Thị H. Bà đề nghị đưa Anh Trần Cao C tham gia tố tụng để làm rõ sự việc.

Bà Vũ Thị Q chỉ yêu cầu Ông M, bà H, anh C có mặt tại phiên tòa. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Chị Nguyễn Thúy P không có yêu cầu đề nghị gì.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19 ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Đ quyết định :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần A đối với Công ty Cổ phần Công nghệ K về việc thanh toán số tiền chậm trả theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 120008 ngày 20/4/2012.

Buộc Công ty Cổ phần Công nghệ K phải trả Ngân hàng thương mại Cổ phần A số tiền 7.565.388.806 đồng, trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 205.555.557 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.859.833.249 đồng.

Trường hợp Công ty Cổ phần Công nghệ K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Cụ thể là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 4, diện tích 138,4 m², địa chỉ: Xã M, huyện L, Thành phố Hà Nội (Nay là phường P, quận N, Thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 180232 do UBND huyện T, Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/7/2010 cho Bà Vũ Thị Q, đã sang tên cho Bà Vũ Thị H ngày 09/11/2011.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty Cổ phần Công nghệ K vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2018, Bà Vũ Thị Q có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân quận Đ vì bản án nhận định và quyết định không đúng thực tế, vi phạm về tố tụng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến lãi quá hạn đối với bị đơn, cụ thể: lãi trong hạn là 205.555.557 đồng; lãi quá hạn là 3.138.333.312 đồng; nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, tổng số: 5.843.888.869 đồng. Bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa có quan điểm về vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án còn quá thời hạn luật định cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng qui định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến lãi suất quá hạn từ 4.859.833.249 đồng, còn 3.138.333.312 đồng. Xét đề nghị của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật nên chấp nhận, cần sửa án sơ thẩm về nội dung này. Bà Q kháng cáo toàn bộ bản án nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bà Q về phần lãi suất. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bà Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1].Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Vũ Thị Q nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ. Tòa án đã triệu tập họp lần thứ 2 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần Bình M, bà Vũ Thị H, Anh Trần Cao C, anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị Lan H đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp với qui định của pháp luật.

[2].Về nội dung: Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Vũ Thị Q đối với toàn bộ bản án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 120008 ngày 20/4/2012 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tư cách đại diện tham gia ký kết. Theo đó, nguyên đơn giải ngân cho bị đơn số tiền 2.500.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 20/4/2012. Hình thức và nội

dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi được vay vốn, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2018 là: 7.565.388.806 đồng, trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 205.555.557 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.859.833.249 đồng là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho nguyên đơn như trên là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn xin sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó nguyên đơn xin rút lãi quá hạn từ 4.859.833.249 đồng còn 3.138.333.312 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn phải trả nguyên đơn từ 7.565.388.806 đồng còn 5.843.888.869 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn xin sửa đổi, bổ sung đối với một phần lãi quá hạn là tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa án sơ thẩm về nội dung này.

- Quá trình giải quyết vụ án, qua xem xét, thẩm định tại chỗ và qua xác minh tại Công an phường M thể hiện trên tài sản thế chấp có Bà Vũ Thị Q, chị Nguyễn Thúy P, anh Nguyễn Văn T, chị Bùi Thị Lan H đang ở tại nhà đất trên. Cấp sơ thẩm đã đưa những người có tên trên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng qui định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của Bà Vũ Thị Q về việc đưa Anh Trần Cao C tham gia tố tụng để làm rõ việc bà không giao dịch chuyển nhượng nhà đất mang tên bà cho Bà Vũ Thị H mà bà chỉ ký Biên bản thỏa thuận và cam kết với Anh Trần Cao C, đồng ý bảo lãnh cho anh C nhà đất của bà để vay số tiền 1.200.000.000đ, với thời hạn 5 năm. Tòa án cũng đưa Anh Trần Cao C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng anh C không đến làm việc và không có lời khai. Tòa án đã có công văn yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai quận N cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng nhà đất giữa Bà Q và bà H. Tại công văn số 3454/VPĐKĐĐHN-CNQNTL ngày 28/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận N thể hiện: Ngày 27/7/2010 UBND huyện E có quyết định số 10056/QĐ-UBND cấp giấy chứng nhận số BC 180232 cho Bà Vũ Thị Q với diện tích 138,4m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài, thuộc thửa đất số 04 xã Y, huyện E (Nay là phường P, quận N), Thành phố Hà Nội. Ngày 09/11/2011, Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện E đã đăng ký sang tên toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị H.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập và yêu cầu Bà Q giao nộp các tài liệu chứng cứ nhưng Bà Q không giao nộp và cũng không đến Tòa làm việc. Bà Q cùng các con vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại cấp sơ thẩm, Bà Q thừa nhận có ký tên trong một số văn bản mà bà không biết nội dung, bà không thừa nhận đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Vũ Thị H. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm bà khẳng định chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 01411, quyền

số : 04/TP/CC ngày 28/10/2011 tại Văn phòng Công chứng V là chữ ký của bà và bà cũng cho rằng bà tự nguyện ký hợp đồng và tin tưởng anh C nên không đọc hợp đồng chuyển nhượng. Tại cấp sơ thẩm bà không có yêu cầu độc lập về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà H, bà chỉ yêu cầu đưa anh C vào tham gia tố tụng và triệu tập anh C đến Tòa để làm rõ sự việc.

- Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số 396.2012/HĐTC ngày 20/5/2012 thì thấy: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bên thế chấp là ông Trần Bình M, bà Vũ Thị H; bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Hà Nội và bên vay Công ty Cổ phần Công nghệ K. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 4, địa chỉ: Xã M, huyện L, Thành phố Hà Nội (Nay là phường B, quận M), Thành phố Hà Nội), số BC 180232, số vào sổ cấp GCN: CH 00253 do UBND huyện Ecấp ngày 27/7/2010 mang tên Bà Vũ Thị Q, đã sang tên cho Bà Vũ Thị H ngày 09/11/2011.

Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, do các cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia giao dịch, được ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn T, thành phố Hà Nội và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Ông M, bà H xác nhận việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, tài sản thế chấp là tài sản hợp pháp mang tên ông bà, tại thời điểm thế chấp chưa được dùng làm vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ở bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác, tài sản không có tranh chấp nào về quyền sở hữu và sử dụng.

Tại khoản 2 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp có qui định: Phần giá trị công trình ; diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm (nếu có) gắn với diện tích đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này.

Tại Biên bản đánh giá tài sản đảm bảo ngày 18/4/2012 của Ngân hàng trước khi cho vay thể hiện: *khảo sát thực tế : hiện đang tồn tại ngôi nhà trên mảnh đất song chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu.*

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2019 của cấp phúc thẩm, Bà Q và các con đều khai có 3 khối nhà: khối nhà số 15, có diện tích xây dựng khoảng 60m², xây 4 tầng được xây dựng năm 2009 ; khối nhà thứ 2 số 17, có diện tích xây dựng 38m², xây 6 tầng từ năm 2010; khối nhà thứ 3 có diện tích xây dựng 40m², gồm 5 tầng, được xây dựng năm 2010. Như vậy, cả 3 khối nhà đều được xây dựng trước khi Bà Q ký Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất cho bà H và bà H đã ký Hợp đồng thế chấp nhà đất trên với ngân hàng để đảm bảo khoản vay của bị đơn.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp thì phần giá trị công trình gắn với diện tích đất đã thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định, hợp đồng thế chấp có hiệu lực đối với các bên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà, đất nêu trên nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ là có căn cứ.

Ngoài ra, án sơ thẩm có sai sót cần sửa lại : Tại phần Quyết định của bản án thể hiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện E cấp cho Bà Q

ngày 27/7/2010, đã sang tên cho bà H ngày **28/10/2011** là không chính xác mà đã sang tên cho bà H ngày **09/11/2011** mới chính xác.

Từ những phân tích trên , Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm về lãi suất, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Q về phần lãi suất do nguyên đơn xin sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất quá hạn.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán. Bà Q không phải chịu án phí phúc thẩm do được chấp nhận một phần kháng cáo và do sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên; căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự ;

QUYẾT ĐỊNH :

Sửa bản án kinh doanh thương mại số 19/2018/KDTM-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, 318 , 319, 323 , 342, 355, 351, 474, 471, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Bà Vũ Thị Q.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần A đối với Công ty Cổ phần Công nghệ K và yêu cầu sửa đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần A về lãi quá hạn đối với Công ty Cổ phần Công nghệ K. Buộc Công ty Cổ phần Công nghệ K phải trả Ngân hàng thương mại Cổ phần A tính đến ngày 16/8/2018 với số tiền là : 5.843.888.869 đồng, trong đó nợ gốc là : 2.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là : 205.555.557 đồng, nợ lãi quá hạn là : 3.138.333.312 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần Công nghệ K còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 120008 ngày 20/4/2012 và giấy nhận nợ ngày 20/4/2012 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp Công ty Cổ phần Công nghệ K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là : Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 4, diện tích 138,4 m², địa chỉ: Xã M, huyện L, Thành phố Hà Nội (nay là phường P, quận N, Thành phố Hà Nội), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 180232 do UBND huyện T, Thành phố Hà Nội cấp ngày

27/7/2010 cho Bà Vũ Thị Q, đã sang tên cho Bà Vũ Thị H ngày 09/11/2011 để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì Công ty Cổ phần Công nghệ K vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại Cổ phần A cho đến khi trả hết nợ.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần Công nghệ K phải chịu 113.843.888 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại Cổ phần A 56.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 3396 ngày 03/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả Bà Vũ Thị Q 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 7660 ngày 10/9/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 16/7/2019.

Nơi nhận:

- TAND quận Đ;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi Cục THADS quận Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy